TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **……..** Bản án số: 147/2020/HSPT Ngày 20/02/2020	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **…….**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
…….
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Cương
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thành
Ông Lưu Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thơm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 943/2019/TL. HSPT ngày 23/12/2019 đối với bị cáo Trần Thị Th do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 121/2019/HSST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Th, sinh năm 1982 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: nữ; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 11, thị trấn A, huyện A, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Trần Đức T và bà Lê Thị T2; Chồng tên là Hoàng S, có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; Danh chỉ bản số 000000225, lập ngày 16/4/2019 tại Công an huyện S, thành phố Hà Nội; Tiền án tiền sự: không; Nhân thân: 1. Ngày 05/8/2016, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". 2. Ngày 21/5/2019, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 5 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo của bản án số 811/2016/HSPT ngày 05/8/2016 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 7 năm tù; Bị cáo tại ngoại; Vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo tại phiên toà phúc thẩm: Luật sư Lâm Văn Q – Công ty Luật hợp danh D thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Trần Thị Th (Sinh năm 1982; Trú tại: Tổ 11, thị trấn A, huyện A, thành phố Hà Nội) có quen biết anh Nguyễn Đình M (Sinh năm 1971; Trú tại: Thôn TP, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội) thông qua việc mua hàng của vợ chồng anh M nên biết anh M có nhu cầu xin việc làm cho con trai là Nguyễn Đình Q (Sinh năm 1999; Hiện đang học nghề điện). Do Th cần tiền tiêu sài và trả nợ cá nhân nên mặc dù không có chức năng xin việc nhưng Th vẫn nói với vợ chồng anh M là có khả năng xin việc cho cháu Q vào làm việc tại Sân bay Nội Bài, Th yêu cầu anh M chuẩn bị hồ sơ xin việc, tiền chi phí xin việc là 11.000 USD Mỹ và hẹn anh M kể từ ngày nhận tiền xin việc, sau 03 tháng con trai anh M sẽ được đi làm tại sân bay Nội Bài. Anh M đồng ý nhờ Th xin việc cho con trai.

Ngày 15/9/2015, Th đến nhà anh M, tại đây Th nhận của anh M 01 bộ hồ sơ xin việc của cháu Q, số tiền 8.000 USD Mỹ và viết giấy, ký nhận tiền cùng anh M. Ngày 18/9/2015, Th đến nhà anh M, nhận của anh M số tiền 830 USD Mỹ và 5.200.000 đồng, Th có viết giấy và ký nhận tiền. Ngày 05/10/2015, Th đến nhà anh M nhận tiếp số tiền 500 USD Mỹ. Tổng số tiền Th đã nhận của anh M là 9.330 USD Mỹ và 5.200.000 đồng. Sau khi nhận tiền của anh M, Th đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết; Hồ sơ của cháu Q, Th không nộp cho ai và đã làm thất lạc sau đó. Việc Th không xin được việc cho cháu Q như đã hứa hẹn, anh M đã tìm Th để đòi tiền nhiều lần nhưng Th không trả. Ngày 02/8/2017, anh M làm đơn tố cáo Th đến Công an huyện S để điều tra, làm rõ. Đến nay, Th đã trả được anh M số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại Th chưa trả cho anh M.

Xác minh về tỷ giá thu đổi tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Sóc Sơn xác định: Ngoại tệ ngày 15/9/2015: 01 USD Mỹ = 22.460 đồng; Ngày 17, 18/9/2015 và ngày 05/10/2015: 01 USD Mỹ = 22.435 đồng. Như vậy, tổng số tiền Th đã nhận từ anh M là 214. 718.550 đồng.

Kết luận giám định số 242/C54-P5 ngày 11/4/2018 của Viện khoa học hình sự kết luận: Chữ ký, chữ viết trong giấy nhận tiền của anh M là chữ ký, chữ viết của Trần Thị Th (Bút lục số195).

Quá trình điều tra làm rõ: Th có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 147.409.700 đồng để xin việc cho con gái, cháu gái ông Nguyễn Xuân Nh, cụ thể: ông Nguyễn Xuân Nh (Sinh năm 1963; Trú tại: quận X, thành phố Hà Nội) quen biết Trần Thị Th từ khoảng tháng 6/2016. Th nói với ông Nh là quen biết nhiều người ở bộ phận tuyển dụng của Cảng hàng không quốc tế Nội Bài nên có khả năng xin việc làm tại sân bay Nội Bài, mỗi xuất xin việc hết 300.000.000 đồng. Do vậy, ông Nh đã nhờ Th xin cho con gái là Nguyễn Thị Huyền T (Sinh năm 1991 và em gái chồng chị T là Nguyễn Thu N, sinh năm 1992) vào làm việc tại sân bay Nội Bài. Ngày 16/06/2016, ông Nh đưa cho Th số tiền 100.000.000 đồng để đặt cọc xin việc cho chị T, chị N tại một quán cà phê ở sân bay Nội Bài. Th cầm tiền và trực tiếp viết giấy nhận tiền của ông Nh việc viết giấy và giao nhận tiền không có ai chứng kiến, Th bảo khi có lịch phỏng vấn thì Th sẽ báo. Mấy hôm sau, Th gọi điện bảo ông Nh hẹn khoảng 14h ngày 21/06/2016 đưa chị T, chị

N đến để sơ tuyển, nộp thêm mỗi chị là 830 USD Mỹ và 5.200.000 khi dự tuyển (*Th nói khi nào đi làm thì Cảng hàng không sẽ trả lại tiền này).* Do ông Nh bận không đi được nên chị T, chị N đi taxi lên Sân bay thì Th thông báo lịch sơ tuyển thay đổi và hướng dẫn các chị vào quán cà phê gần Sân bay ngồi cùng Th. Tại đây, Th bảo chị T, chị N đưa tiền để Th nộp hộ và được Th viết giấy nhận tiền. Ông Nh do nghi ngờ Th lừa đảo nên đã gọi điện cho Th hỏi lý do thay đổi lịch thi tuyển, Th nói sẽ cho ông Nh gặp sếp để yên tâm. Ngày 29/6/2016, ông Nh cùng một người bạn gặp Th và một người phụ nữ khoảng 40-45 tuổi (Th giới thiệu tên là Xuân) làm ở sân bay Nội Bài, ông Nh hỏi Xuân làm ở bộ phận nào thì Xuân giả vờ không nghe thấy, không trả lời. Sau khi Xuân về, ông Nh nói không có nhu cầu xin việc cho Tr và N nữa, đồng thời yêu cầu Th trả lại tiền. Ngày 05/7/2016, Th đã trả ông Nh số tiền 48.400.000 đồng và 1.660 USD Mỹ, còn nợ lại 62.000.000 đồng. Th hẹn sau 01 tuần trả hết tiền, nhưng không trả. Ông Nh đòi nhiều lần thấy Th có biểu hiện né tránh việc trả tiền nên ngày 02/02/2018 đã trình báo Cơ quan điều tra.

Xác minh về tỷ giá thu đổi tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh S, xác định: Ngoại tệ ngày 21/6/2016: 01 USD Mỹ = 22.295 đồng (Bút lục số 57). Như vậy, tổng số tiền Th đã nhận của ông Nh là 147.409.700 đồng.

Kết luận giám định số 3865/KLGĐ-PC54 (Đ4) ngày 03/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên trong giấy nhận tiền của ông Nh là chữ ký, chữ viết phô tô nên không tiến hành giám định; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Xuân Nh trên mẫu cần giám định với mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra (Bút lục số 49).

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 7107/KLGĐ-PC09 (Đ4) ngày 12/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị Th trên mẫu cần giám định với các chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị Th trên mẫu cần so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyên Thị Huyền T dưới chữ ký trên mẫu cần giám định với mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra (Bút lục số 52).

Tại Cơ quan điều tra, Th khai: Th và Xuân quen nhau từ khoảng đầu năm 2016, khi nói chuyện, Xuân nói làm ở Sân bay Nội Bài, cụ thể làm ở bộ phận nào thì Th không hỏi. Xuân nói với Th "*Nếu có ai muốn vào làm ở Sân bay Nội Bài thì bảo Xuân, cứ mỗi người giới thiệu đi làm thì tiền người ta cảm ơn khi đi làm, Xuân sẽ chia cho Th một phần hoa hồng".* Khi biết ông Nh có nhu cầu xin việc cho con gái, cháu gái thì Th đã nhận lời và thông báo cho Xuân biết. Số tiền ông Nh đưa, Th có gọi điện để đưa cho Xuân nhưng Xuân nói Th cứ cầm lấy. Do chủ quan, Th đã chi tiêu mất một phần tiền nên khi ông Nh đột ngột thay đổi ý định, không xin việc cho con, cháu nữa thì Th không thể hoàn trả lại toàn bộ. Sau khi ông Nh gửi đơn tố giác, Th đã trả lại cho ông Nh số tiền 20.000.000 đồng. Đối với 02 bộ hồ sơ xin việc mà Th nhận của T và N thì Th không nộp ở đâu mà cất ở nhà Th. Hiện nay, hai bộ hồ sơ đã bị thất lạc. Đối với người phụ nữ tên là Xuân mà Th khai, do Th không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của Xuân nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Đến nay, Trần Thị Th đã trả lại cho anh M số tiền đã chiếm đoạt là 50.000.000 đồng, anh M yêu cầu Th phải trả nốt số tiền đã chiếm đoạt là 164.718.550 đồng; Đối với số tiền chiếm đoạt của ông Nh, Th đã trả cho ông Nh 105.409.700 đồng, ông Nh đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Th và không yêu cầu Th hoàn trả số tiền Th chiếm đoạt chưa trả là 42.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà sơ thẩm, Trần Thị Th khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2019/HSST ngày 25/10/2019 của Toà án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội đã Quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Thị Th 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt 07 năm tù của bản án số 374/2019/HSPT ngày 21/5/2019 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn Quyết định về Trách nhiệm dân sự; Án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm đối với bị cáo và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2019, bị cáo Trần Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng, không nhập hành vi bị cáo chiếm đoạt tiền của ông Đào Xuân B vào xét xử trong vụ án này; Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để nhập, xét xử trong cùng một vụ án và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo vắng mặt; Luật sư gửi quan điểm bào chữa cho bị cáo và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, huỷ bản án sơ thẩm để nhập với hành vi bị cáo chiếm đoạt tiền của ông Đào Xuân B để giải quyết trong cùng một vụ án. Trường hợp chưa đủ căn cứ để huỷ bản án sơ thẩm đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tại phiên toà bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo vắng mặt; Luật sư có gửi bản bào chữa cho bị cáo; Đây là phiên toà mở lần thứ ba nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo.

+ Về hình thức: Bị cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn Luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và quan điểm của Luật sư về việc huỷ bản án sơ thẩm vì không có căn cứ; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm hình phạt; Sửa bản án sơ thẩm về hình sự theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù; Xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 và xử phạt bị cáo từ 8 năm 6 tháng

đến 8 năm 9 tháng tù; Hình phạt của bản án này được cộng với hình phạt của bản án hình sự phúc thẩm số 374/2019/HSPT ngày 21/5/2019 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội mà bị cáo chưa thi hành; Rút kinh nghiệm cấp sơ thẩm về việc áp dụng tình tiết tăng nặng Tái phạm đối với bị cáo là không đúng quy định của pháp luật; Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

+ Về việc bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên toà: Bị cáo vắng mặt tại phiên toà nhiều lần với lý do bị ốm; Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy bị cáo vắng mặt tại phiên toà không gây trở ngại cho việc xét xử và Hội đồng xét xử phúc thẩm không ra bản án không có lợi cho bị cáo; Đối với việc luật sư vắng mặt: Luật sư đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà, luật sư đã có bản luận cứ bào chữa cho bị cáo gửi Hội đồng xét xử. Do vậy, căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo.

+ Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết yêu cầu kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên toà sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trần Thị Th có quan hệ quen biết với anh Nguyễn Đình M và ông Nguyễn Xuân Nh. Do Th cần tiền để chi tiêu cá nhân nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh M, ông Nh. Th đã sử dụng thủ đoạn gian dối để tạo niềm tin cho anh M, ông Nh bằng cách: Từ năm 2015 đến năm 2016, mặc dù không có việc làm, không có chức năng tuyển dụng và xin việc làm vào các vị trí nhân sự tại sân bay Nội Bài, nhưng Th vẫn tự giới thiệu với anh M, ông Nh bản thân làm trong sân bay Nội Bài, có khả năng xin được vào làm việc tại sân bay để anh M nhờ Th xin việc cho con trai đi làm công nhân kỹ thuật điện tại sân bay Nội Bài; ông Nh nhờ Th xin việc cho con gái, cháu gái vào làm việc tại sân bay Nội Bài. Sau khi anh M, ông Nh tin tưởng và đưa tiền để Th xin việc hộ thì Th chiếm đoạt, sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Cụ thể số tiền Th chiếm đoạt của anh M, ông Nh như sau:

Đối với anh M: Ngày 15/9/2015, Th nhận của anh M 8.000 USD Mỹ (01 USD Mỹ = 22.460 đồng); Ngày 18/9/2015, Th nhận của anh M 5.200.000 đồng và 830 USD Mỹ (01 USD Mỹ = 22.435 đồng); Ngày 05/10/2015, Th nhận của anh M 500 USD Mỹ (01 USD Mỹ = 22.435 đồng). Số tiền Th đã nhận của anh M để xin việc cho con trai anh M là 214.718.550 đồng.

Đối với ông Nh: Ngày 16/6/2016, Th nhận của ông Nh 100.000.000 đồng;

Ngày 21/6/2016 Th nhận của ông Nh (thông qua chị Nguyễn Thị Huyền T, chị Nguyễn Thu N, mỗi chị 5.200.000 đồng và 830 USD Mỹ (01 USD = 22.295 đồng). Số tiền Th nhận của ông Nh để xin việc cho con, cháu ông Nh là 147.409.700 đồng.

Tổng số tiền Th đã nhận và chiếm đoạt của anh M, ông Nh là 362.128.250 đồng.

Bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm Th nhận tiền của anh M, ông Nh. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 là đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo và quan điểm của luật sư về việc yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm vì không nhập hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Đào Xuân B vào vụ án này, thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ được xem xét công khai tại phiên toà không thể hiện bị cáo chiếm đoạt tiền của ông Đào Xuân B; Bị cáo và luật sư không nộp các tài liệu thể hiện bị cáo đã bị khởi tố về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đào Xuân B. Do vậy, không có cơ sở cho rằng có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, quan điểm của luật sư về việc huỷ bản án sơ thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt, thấy: Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 05/8/2016 Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Ngày 21/5/2019 Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo thực hiện các hành vi phạm tội trong vụ án này trước khi bản án hình sự phúc thẩm ngày 05/8/2016 và ngày 21/5/2019 có hiệu lực pháp luật nên không xác định bị cáo Tái phạm. Do vậy,trong vụ án này về nhân thân bị cáo được coi chưa có tiền án, tiền sự, nhưng phải coi là có nhân thân xấu.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã trả một phần tiền chiếm đoạt cho các bị hại; Khai báo thành khẩn hành vi phạm tội; Bị hại ông Nguyễn Xuân Nh xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h (Tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 như nhận định của cấp sơ thẩm. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong nghiên cứu hồ sơ, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để đảm bảo bản án được chính xác và đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; Nhân thân; Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là đúng. Tại phiên toà phúc thẩm, đã xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Đây

được coi là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo; Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo.

[3] Phần hình phạt của bản án này được tổng hợp với hình phạt 7 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bản án hình sự phúc thẩm số 374/2019/HSPT ngày 21/5/2019 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội mà bị cáo chưa thi hành theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị Th;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 121/2019/HSST ngày 25/10/2019 của Toà án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội về Quyết định hình sự; Giảm hình phạt cho bị cáo.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt: Trần Thị Th ***08 (tám) năm 06 (sáu) tháng*** tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với hình phạt ***07 (bẩy) năm*** tù của bản án hình sự phúc thẩm số 374/2019/HSPT ngày 21/5/2019 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là ***15 (mười lăm) năm 06 (sáu)*** **tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

II. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 20/02/2020.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Phan Huy Cương

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;*
- *Toà án ND huyện S;*
- *Viện kiểm sát ND huyện S;*
- *Công an huyện S;*
- *Chi cục THA dân sự huyện S;*
- *Bị cáo;*

- Lưu hồ sơ và văn phòng.